TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2023.
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huấn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lài Thị Thu Hà;
Bà Trần Thị Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc: "*Không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 15, thôn 6, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Hồ Đình H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 15, thôn 6, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà M có mặt; ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào khoảng tháng 10 năm 1986 bà có gặp và quen biết với ông Hồ Đình H, sau một thời gian tìm hiểu thì đến tháng 3 năm 1987 bà và ông H có phát sinh tình cảm quan hệ vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới tuy nhiên cả hai bên gia đình đều biết. Sau đó bà và ông H chung sống tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa một thời gian. Thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông H đi làm ăn xa hay đi đâu thì bà không biết. Đến năm 1993 bà chuyển về xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng chung sống với gia đình nhà ngoại. Đến năm 2007, ông H mới trở về sống chung cùng bà. Hiện nay, ông H đang sống với người phụ nữ khác tại xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm và ông H đã có quan hệ tình cảm với người phụ

nữ khác nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân với ông Hồ Đình H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 người con chung là Hồ Thị Phương D, sinh năm 1987 và Hồ Giang P, sinh năm 1990 (chết năm 2007). Hiện nay con chung là Hồ Thị Phương D đã trưởng thành lập gia đình nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn ông Hồ Đình H trình bày: Năm 1986 ông có gặp và làm quen với bà Nguyễn Thị M, sau thời gian tìm hiểu thì đến tháng 3/1987 ông và bà M về sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống từ năm 1987 đến 1989 ông đi tù về tội trộm cắp tài sản. Đến năm 1990 ông về sống chung với bà M và sinh thêm một người con chung. Năm 1993 ông vào Lâm Đồng chung sống với bà M và đi làm ăn xa nên đi đi về về. Đến năm 2007 về chung sống với bà M cho đến năm 2016 thì ly thân cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục cuộc sống chung. Vì vậy, bà M yêu cầu giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà M có 02 người con chung là Hồ Thị Phương D, sinh năm 1987 và Hồ Giang P, sinh năm 1990 (chết năm 2007). Hiện nay con chung là Hồ Thị Phương D đã trưởng thành và lập gia đình nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà M tạo dựng được tài sản chung gồm:

Diện tích đất khoảng 1.000m^2 thuộc thửa 1211 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn 6 Đạ Ty, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M. Nguồn gốc đất là do hai vợ chồng ông mua từ năm 1993 và ông đã xây dựng nhà trên đất. Tuy nhiên, trong thời gian ông đi làm ăn xa và thời gian ông chấp hành hình phạt tù không có mặt ở nhà thì bà Nguyễn Thị M đã một mình làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M.

Diện tích đất khoảng 3.000m^2 thuộc thửa 03, 35 tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại thôn 6 Đạ Ty, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị M. Nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Thị M mua trong thời gain hai vợ chồng chung sống.

Diện tích 115m^2, thuộc một phần thửa đất 745 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn 2 xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc do ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Việt nhiều lần (năm 2011 mua 05m ngang, năm 2012 mua thêm 03m ngang, năm 2019 mua thêm 09m ngang). Ông Việt đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông. Khi hai bên mua bán có thỏa thuận ghi tên người mua trên giấy tờ là chị Hồ Thị Phương D (là con gái ông) nhưng ông là người trả tiền mua đất. Từ khi mua đất đến nay, ông là người trực tiếp sử dụng đất. Về nguồn tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất này do vào năm 2008 ông và bà M chuyển nhượng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11 diện tích 11.984m^2 đất tọa lạc tại thôn Phú Hòa, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng cho ông Phạm Hồng Tuyến, bà Lã Thị Hấn trú tại thôn Quảng Bằng, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà với số tiền 250.000.000đ và ngày 20/01/2011 ông cùng bà M chuyển nhượng cho ông Võ Ngọc Hưng, trú tại: thôn Phú Hòa, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà thửa đất số 44 tọa lạc tại thôn Phú Hòa, xã Phi Tô với số tiền 130.000.000đ. Ông và bà M đã dùng số tiền bán đất để nhận chuyển nhượng diện tích khoảng 115m^2 đất tọa lạc tại thôn Quảng Bằng, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ông đang tranh chấp tài sản chung với bà M, trong đó có diện tích đất thửa 1211 tờ bản đồ số 04 xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà nhưng diện tích đất được trích lục thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn An và bà Nguyễn Thị Mời và tiếp tục tặng cho sang cho ông Nguyễn Văn Chước, bà Trương Thị Lý. Nay để có cơ sở chia tài sản giữa ông và bà M, ông đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn An, bà Nguyễn Thị Mời tại thửa 1221 do Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 22/07/2003 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chước, bà Trương Thị Lý tại thửa 1221 do ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà ngày 01/7/2015 ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông đã có đơn xin rút đối với yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị M không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Đình H là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Hồ Đình H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc không công nhận vợ chồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Hồ Đình H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Đình H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Đình H thì hai bên có quen biết nhau vào năm 1986, sau thời gian tìm hiểu tự nguyện thì đến tháng 3/1987 bà M và ông H về sống chung với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do ông bà bất đồng quan điểm nên không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng và từ năm 2016 ông bà đã tự sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, bà M xác định không còn tình cảm với ông H do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H, còn ông H vắng mặt nhưng trong lời khai của mình thì ông H cũng xác định không thể hàn gắn quan hệ tình cảm nên ông H cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của bà M. Xét thấy, bà M và ông H cùng xác định có quen biết nhau vào cuối năm 1986, sau thời gian tìm hiểu thì đến tháng 3/1987 mới có quan hệ tình cảm và sinh con đầu vào tháng 12/1987 là phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mời là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị M nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.. Do quan hệ hôn nhân của bà M và ông H được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Đình H là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Đình H hiện nay có 01 con chung là Hồ Thị Phương D, sinh ngày 18/12/1987. Các đương sự xác định con chung đã đủ tuổi trưởng thành và đã lập gia đình nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông Hồ Đình H xác định quá trình chung sống ông và bà M có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất

khoảng 1.000m^2 thuộc thửa 1211 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn 6 Đạ Ty, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; diện tích đất khoảng 3000m^2 thuộc thửa 03,35 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại thôn 6 Đạ Ty, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 115m^2, thuộc một phần thửa đất 745 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn 2 xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng nên ông yêu cầu chia tài sản chung theo quy định. Đồng thời, do tài sản chung đang tranh chấp, trong đó có diện tích đất thửa 1211 tờ bản đồ số 04 xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà nhưng diện tích đất được trích lục thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn An và bà Nguyễn Thị Mời và tiếp tục tặng cho sang cho ông Nguyễn Văn Chước, bà Trương Thị Lý. Nay để có cơ sở chia tài sản giữa ông và bà M, ông đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn An, bà Nguyễn Thị Mời tại thửa 1221 do UBND huyện Lâm Hà cấp ngày 22/07/2003 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chước, bà Trương Thị Lý tại thửa 1221 do UBND huyện Lâm Hà ngày 01/7/2015.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Hồ Đình H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút đơn yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn ông Hồ Đình H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra để xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn ông Hồ Đình H có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án đã đưa Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Hà; Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu, chi nhánh Đà Lạt, phòng giao dịch Chi Lăng; vợ chồng chị Hồ Thị Phương D, anh Trần Đức Việt; ông Nguyễn Văn Việt; vợ chồng ông Nguyễn Văn Linh, bà Phạm Thị Hiên; vợ chồng ông Nguyễn Văn Chước, bà Trương Thị Lý; vợ chồng ông Nguyễn Văn An, bà Nguyễn Thị Mời, chị Nguyễn Thị Ngân vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, do phía bị đơn ông H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời, những người này cũng có văn bản trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa những người này vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

Trường hợp sau này nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục chung.

[6] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do bị đơn đã tạm nộp đã được quyết toán là 56.240.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, phía bị đơn tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên cần buộc bị đơn ông H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Đình H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều; Điều 165; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 16 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Đình H là vợ chồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hồ Đình H phải phải chịu 56.240.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí cho việc đo đất, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này ông H đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000494 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho ông Hồ Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000615 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/02/2023) nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*." .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà,
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huấn